

1

+ Ủy ban nhân dân xã B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

+ Ban quản lý dự án môi trường và biến đổi khí hậu thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Có đơn xin xét xử vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Văn D - Trưởng phòng Phòng kỹ thuật.

+ Ban quản lý rừng phòng hộ thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình và ven biển tỉnh Quảng Bình. Có đơn xin xét xử vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Ngọc C – Cán bộ kỹ thuật.

Người kháng cáo: Người khởi kiện ông Hoàng Trọng T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, biên bản đối thoại và tại phiên tòa ông Hoàng Trọng T trình bày:

Năm 2016, ông nhận chuyển nhượng từ ông Hoàng Đức T1 và bà Trương Thị X 02 thửa đất gồm: thửa đất số 29, tờ bản đồ số 16, diện tích 781,6m² và thửa đất số 30, tờ bản đồ số 16, diện tích 749,2m²; mục đích sử dụng đất: đất trồng cây hàng năm; hình thức sử dụng: sử dụng riêng, tại thôn H, xã B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, đất không có tranh chấp (chuyển nhượng bằng giấy viết tay). Hai thửa đất liền kề nhau, tổng diện tích là 1530,8m². Ông sử dụng hai thửa đất để trồng các loại cây cảnh, đào ao nuôi cá và chăn nuôi gà, vịt tạo thu nhập cho gia đình và bản thân. Ông sử dụng ổn định hai thửa đất từ năm 2016 đến năm 2021, không có tranh chấp. Năm 2020, tỉnh Quảng Bình có Dự án Phát triển Môi trường, hạ tầng đô thị ứng phó với Biến đổi khí hậu thành phố Đ. Hai thửa đất của ông sử dụng thuộc đất thực hiện dự án, nên thuộc diện bị Nhà nước thu hồi. Quá trình thực hiện việc thu hồi đất, Trung tâm phát triển quỹ đất - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q, xác định hai thửa đất ông đang sử dụng, chủ sử dụng đất là Ban quản lý rừng phòng hộ thành phố Đ. Vì vậy, gia đình ông không được đưa vào danh sách bồi thường, hỗ trợ về đất, mà chỉ được bồi thường tài sản trên đất với số tiền là 372.006.090 đồng. Mặc dù ông không đồng tình với cách xác định của Trung tâm phát triển quỹ đất - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q, nhưng để đảm bảo tiến độ thực hiện dự án, ông đã tạm chấp nhận việc nhận tiền bồi thường tài sản trên đất và bàn giao mặt bằng. Việc bồi thường, hỗ trợ về đất ông tiếp tục khiếu nại sau khi bàn giao mặt bằng. Đến ngày 13/8/2021, ông có kiến nghị đến UBND thành phố Đ về việc không đưa ông vào danh sách thuộc diện được bồi thường, hỗ trợ về đất do bị Nhà nước thu hồi để thực hiện Dự án. Ngày 19/10/2021, Trung tâm phát triển quỹ đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q, ban hành văn bản số 269/PTQĐ-GPMB, theo đó nội dung cho rằng hai thửa đất ông đang sử dụng được quy chủ sử dụng đất là Ban quản lý rừng phòng hộ thành phố Đ. Vì vậy, kết luận việc ông không được bồi thường, hỗ trợ về đất khi Nhà nước thu hồi đất là không đúng. Nội dung của Văn bản số 269/PTQĐ-GPMB là trái pháp luật bởi các lẽ sau:

Theo kết quả đo đạc địa chính các thửa đất số 29 và 30 mà ông sử dụng do Nhà nước thực hiện vào ngày 26/3/2012, đã xác định hai thửa đất số 29, 30 là

đất bằng trồng cây hàng năm khác, người sử dụng là ông Hoàng Đức T1. Hai thửa đất này không phải là đất Lâm nghiệp, mà chỉ giáp với đất lâm nghiệp. Từ đó đến nay ông Hoàng Đức T1 và sau đó là ông liên tục sử dụng, chưa bao giờ giao lại đất cho Ban quản lý rừng phòng hộ thành phố Đ. Do đó, việc không xác định ông là chủ sử dụng đất, mà xác định Ban quản lý rừng phòng hộ thành phố Đ là chủ sử dụng đất là không có căn cứ.

Nguồn gốc hai thửa đất số 29, 30 là do bố mẹ ông Hoàng Đức T1 khai hoang, sử dụng trồng khoai, sắn từ năm 1972. Sau này giao lại cho ông Hoàng Đức T1 và đến năm 2016, ông T1 chuyển nhượng lại cho ông. Căn cứ vào kết quả đo đạc địa chính các thửa đất số 29 và 30 do Nhà nước thực hiện vào ngày 26/3/2012, đã xác định chủ sử dụng đất là ông Hoàng Đức T1, bà Trương Thị X. Năm 2016 ông T1, bà X chuyển nhượng lại cho ông. Từ đó, cho đến khi đất bị thu hồi, gia đình ông trực tiếp sản xuất trên đất để lấy thu nhập nuôi sống cả gia đình. Như vậy, hai thửa đất trên, đất được sử dụng ổn định từ năm 1972, không vi phạm pháp luật, không có tranh chấp, không vi phạm quy hoạch, đủ điều kiện để được cấp Giấy CNQSDĐ cho người đang sử dụng đất. Do đó, nhà nước không bồi thường về đất cho ông là không đảm bảo nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của gia đình ông. Theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về bồi thường về đất cho người đang sử dụng đất mà không có giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định như sau: “1. Khi Nhà nước thu hồi đất mà người sử dụng đất không có giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 100 của Luật đất đai và Điều 18 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP mà đủ điều kiện cấp Giấy CNQSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất quy định tại Điều 101 và Điều 102 của Luật Đất đai; các Điều 20, 22, 23, 25, 27 và 28 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP thì được bồi thường về đất”. Theo quy định này, gia đình ông hoàn toàn đủ điều kiện để được bồi thường, hỗ trợ về đất. UBND thành phố Đ phải có trách nhiệm bồi thường về đất cho gia đình ông. Văn bản số 269/PTQĐ-GPMB, theo đó nội dung cho rằng gia đình ông thuộc diện không được bồi thường, hỗ trợ về đất khi nhà nước thu hồi đất là trái pháp luật. Vì vậy, ông làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình hủy Văn bản số 269/PTQĐ-GPMB, ngày 19/10/2021 của Trung tâm phát triển quỹ đất - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q, để Trung tâm phát triển quỹ đất - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q giải quyết lại theo hướng, chấp nhận đưa gia đình tôi vào danh sách được bồi thường hỗ trợ về đất đối với hai thửa đất mà ông sử dụng bị Nhà nước thu hồi.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của UBND thành phố Đ trình bày:

Căn cứ đơn khởi kiện của ông Hoàng Trọng T và biên bản đối thoại ngày 21/11/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, thì người khởi kiện đề nghị Tòa án hủy Văn bản số 269/PTQĐ-GPMB, ngày 19/10/2021 của Trung tâm phát triển quỹ đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q, về việc trả lời đơn của ông Hoàng Trọng T do GPMB dự án Phát triển Môi trường hạ tầng Đô thị và ứng phó với biến đổi khí hậu thành phố Đ. Theo đó, người khởi kiện không đề nghị Tòa án tuyên hủy “Quyết định hành chính, hành vi hành chính” của UBND thành phố Đ. Vì vậy, việc Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xác định địa vị tổ tụng của UBND thành phố Đ là người bị kiện trong vụ án là không phù hợp với

quy định tại khoản 9 Điều 3 Luật tổ tụng hành chính năm 2015. Do đó, đề nghị Tòa án xem xét thay đổi địa vị tổ tụng của UBND thành phố Đ trong vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Đối với các nội dung kiến nghị của ông T về nguồn gốc sử dụng đất, Ủy ban nhân dân thành phố có ý kiến như sau: Theo trình bày của ông Hoàng Trọng T thì năm 2016, ông nhận chuyển nhượng đất từ ông Hoàng Đức T1 và bà Trương Thị X thừa đất số 29(2), 30(2), tại thôn H, xã B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, nhưng ông T1, bà X cũng không có giấy tờ gì về đất. Căn cứ khoản 1 Điều 75 luật đất đai quy định, về điều kiện được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất thì phải có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc đủ điều kiện cấp Giấy CNQSDĐ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 82 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, được sửa đổi bổ sung tại khoản 54 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP hướng dẫn thi hành luật đất đai, thì trường hợp người đang sử dụng đất do nhận chuyển nhượng, nhận thừa kế, nhận tặng cho quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 01 năm 2008, thì người nhận chuyển quyền sử dụng đất thực hiện thủ tục đăng ký đất đai, cấp Giấy CNQSDĐ. Ông T nhận chuyển nhượng nhưng không đủ điều kiện, vì nhận chuyển nhượng sau ngày 01/01/2008. Việc chuyển nhượng đất giữa ông T và ông T1, bà X cũng không đúng quy định của pháp luật. Về kết quả đo đạc địa chính các thửa đất số 29 và 30 mà ông T cung cấp. Năm 2012 thực hiện dự án đo đạc bản đồ do Sở T làm chủ đầu tư triển khai trên toàn bộ xã B. Đơn vị đo đạc thực hiện việc đo đạc theo sự xác nhận của gia đình và dẫn đặc của cán bộ địa chính. Kết quả đo đạc này đến tại thời điểm thu hồi đất không còn phù hợp nữa, do theo bản tổng hợp điều chỉnh thu hồi đất được Sở tài nguyên và Môi trường phê duyệt ngày 29/3/2019, xác định chủ sử dụng quản lý các thửa đất nói trên là Ban Quản lý rừng phòng hộ thành phố Đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trung tâm phát triển quỹ đất trình bày:

Trung tâm phát triển quỹ đất thuộc Sở T là đơn vị tư vấn, thực hiện trích đo địa chính, giải phóng mặt bằng dự án Phát triển Môi trường, hạ tầng đô thị và ứng phó với Biến đổi khí hậu thành phố Đ trên địa bàn xã B. Quá trình thực hiện Trung tâm áp dụng đúng các quy định của Nhà nước hiện hành để trích đo, quy chủ, lập phương án bồi thường để trình cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định. Cụ thể:

Theo quy định việc trích đo quy chủ phục vụ cho việc thu hồi đất căn cứ hiện trạng sử dụng đất và giấy tờ về quyền sử dụng đất của chủ hộ gia đình, cá nhân (theo quy định tại Điều 75, 100 Luật đất đai), trường hợp thửa đất không có giấy tờ về quyền sử dụng đất thì căn cứ vào văn bản xác nhận của UBND xã nơi có đất (theo quy định tại Điều 101 Luật đất đai năm 2013).

Đối với các thửa đất số 29(2), 30(2), tờ bản đồ số 16, xã B, hiện “hộ ông Hoàng Trọng T đang khởi kiện việc thu hồi đất nhưng chưa bồi thường, hỗ trợ về đất cho gia đình ông”. Lý do: ông Hoàng Trọng T không phải là đối tượng bị thu hồi đất, nên không thuộc đối tượng xem xét bồi thường về đất, mà đối tượng bị thu hồi là Ban quản lý rừng phòng hộ thành phố Đ. Trong quá trình quy chủ sử dụng đất đối với các thửa đất số 29(2), 30(2), tờ bản đồ số 16, xã B. Trung tâm

Quỹ đất đã nhiều lần làm việc với ông T và đề nghị ông T cung cấp các giấy tờ liên quan đến quyền sử dụng đất, nhưng ông T không có giấy tờ gì, ngoài tờ giấy kết quả đo đạc địa chính do Chi nhánh Công ty TNHH M - Xí nghiệp trắc địa bản đồ 103 đo tháng 3 năm 2012, chủ sử dụng đất ông bà Hoàng Đức T1, Trương Thị X. Tại thời điểm thực hiện trích đo thu hồi đất năm 2018. Hộ ông T1, bà X cũng không cung cấp được giấy tờ về quyền sử dụng đất, không có văn bản xác nhận của UBND xã B nơi có đất. Ông T trình bày nhận chuyển nhượng đất của ông T1, bà X vào năm 2016, nhưng ông T1, bà X không có giấy tờ liên quan đến quyền sử dụng đất. Đến thời điểm hiện tại chưa nhận được văn bản nào của xã xác nhận nguồn gốc đất là của ông T1, bà X hay ông T. Phiếu kết quả đo đạc địa chính do Chi nhánh Công ty TNHH M - Xí nghiệp trắc địa bản đồ 103 đo tháng 3 năm 2012 chỉ thể hiện hiện trạng sử dụng tại thời điểm đo đạc.

Sau khi có quyết định quy hoạch của UBND tỉnh Q. Trung tâm phát triển quỹ đất thực hiện việc trích đo đất, năm 2018 xác định đất quy chủ cho ông T1, bà X. Tuy nhiên, quá trình làm việc với Ủy ban nhân dân xã B và Ban quản lý rừng phòng hộ thành phố Đ (theo CV số 28 ngày 04/11/2018 và CV số 367/UBND ngày 19/6/2019) thì đất thuộc quyền quản lý, sử dụng của Ban quản lý rừng phòng hộ thành phố Đ, việc quy chủ là không đúng, nên đã thay đổi phương án thu hồi đất. Theo trình bày của ông Hoàng Trọng T thì thửa đất số 29(2), 30(2), tờ bản đồ số 16, xã B. Trong đó, hộ ông Hoàng Trọng T được phê duyệt bồi thường tài sản trên đất, với giá trị bồi thường là 372.006.090 đồng (gồm: nhà phục vụ sản xuất, hàng rào xây Block, đào ao, các loại cây mung, sanh, bồ đề, hệ thống tưới... có phương án chi tiết kèm theo).

Sau khi UBND thành phố Đ ban hành quyết định phê duyệt. Trung tâm Quỹ đất đã tổ chức chi trả tiền, nhưng hộ ông Hoàng Trọng T không đồng ý nhận tiền do kiến nghị không được quy chủ và bồi thường, hỗ trợ về đất. Qua vận động, giải thích thì ngày 11/8/2021 ông Hoàng Trọng T đã chấp hành nhận tiền bồi thường theo quyết định phê duyệt, với số tiền 372.006.090 đồng và ký biên bản cam kết bàn giao mặt bằng. Tuy nhiên, sau khi nhận tiền ông T đã không thực hiện theo đúng cam kết, lại tiếp tục cản trở thi công và gửi đơn khiếu nại đến UBND thành phố Đ. Thực hiện chỉ đạo của UBND thành phố tại Công văn số 2609/UBND-TNMT ngày 30/9/2021. Trung tâm phát triển quỹ đất đã trả lời cho ông Hoàng Trọng T, tại Công văn số 269/PTQĐ-GPMB ngày 19/10/2021 để ông T biết và chấp hành bàn giao mặt bằng để thi công công trình. Đồng thời, hướng dẫn hộ ông T khiếu nại việc quy chủ sử dụng đến các cơ quan có thẩm quyền để được giải quyết, nếu chưa đồng ý với việc giải thích, trả lời của Trung tâm phát triển quỹ đất. Như vậy, việc thực hiện tư vấn trích đo, giải phóng mặt bằng dự án Môi trường biến đổi khí hậu, hạ tầng đô thị và ứng phó với Biến đổi khí hậu tại xã B. Trung tâm phát triển quỹ đất đã thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của Nhà nước hiện hành. Do đó, việc ông Hoàng Trọng T yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình tuyên hủy Công văn số 269/PTQĐ-GPMB ngày 19/10/2021 của Trung tâm phát triển quỹ đất là không phù hợp với các nội dung đơn vị đã thực hiện. Công văn số 269/PTQĐ-GPMB ngày 19/10/2021 của đơn vị đo đạc, tư vấn chỉ trả lời, giải thích và hướng dẫn cho người dân theo đúng quy định, chức năng, không có căn cứ để

huỷ. Trong trường hợp này nếu ông T cho rằng mình là chủ sử dụng đất thì cần làm thủ tục khởi kiện về việc quy chủ đất, phải làm việc với uỷ ban nhân dân xã xác nhận quy chủ cho chủ sử dụng đất.

Đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ban quản lý rừng phòng hộ thành phố Đ trình bày:

Theo Quyết định số 857/QĐ-UB ngày 20/4/2007 của UBND tỉnh Q, về việc Quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Quảng Bình, thì phần diện tích các thửa đất số 29(2), 30(2), tờ bản đồ số 16, xã B nằm trong diện tích quản lý Ban quản lý rừng phòng hộ thành phố Đ. Căn cứ Quyết định số 2410/QĐ-UBND ngày 03/9/2014 về điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Quảng Bình đến năm 2020 chuyển từ rừng phòng hộ sang rừng sản xuất. Căn cứ Quyết định số 4534/QĐ-UBND ngày 25/12/2018 của UBND tỉnh Q, về việc phê duyệt quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Quảng Bình đến năm 2020, định hướng đến 2030.

Tại thời điểm năm 2012 thực hiện đo đạc thì Ban quản lý rừng phòng hộ thành phố Đ không được biết, kết quả đo đạc địa chính do Chi nhánh Công ty TNHH M - Xí nghiệp trắc địa bản đồ 103 đo tháng 3 năm 2012 mà ông T cung cấp tại hồ sơ vụ án, thì Ban quản lý rừng phòng hộ thành phố Đ không rõ, tại thời điểm đo đạc không được thông báo. Năm 2019, ông Hoàng Trọng T ra canh tác trồng cây trên đất thì Ban Q đã lập biên bản vi phạm.

Đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ban QLDA Môi trường và Biến đổi khí hậu thành phố Đ trình bày:

Ban QLDA Môi trường và Biến đổi khí hậu thành phố Đ được UBND tỉnh (chủ đầu tư) giao quản lý dự án Phát triển môi trường, hạ tầng đô thị ứng phó với Biến đổi khí hậu thành phố Đ trên địa bàn xã B. Ban QLDA Môi trường và Biến đổi khí hậu thành phố Đ, có thuê Trung tâm Phát triển quỹ đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q là đơn vị tư vấn thực hiện trích đo địa chính, giải phóng mặt bằng và giao cho đơn vị tư vấn giải quyết các vấn đề liên quan đến giải phóng mặt bằng. Quá trình thực hiện Trung tâm áp dụng đúng các quy định của pháp luật.

Đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã B có ý kiến:

Tại văn bản số 3406/UBND ngày 19/12/2022, UBND xã B, thành phố Đ nêu ý kiến: Đối với thửa đất số 29 và 30, tờ bản đồ số 16, theo sổ mục kê năm 2014 quy chủ do UBND xã quản lý, sử dụng. Tuy nhiên, theo kết quả đo đạc năm 2012 thì hai thửa đất nói trên được quy chủ cho ông Hoàng Đức T1. Đối chiếu với bản đồ 2001, thì thửa đất số 29 và 30, tờ bản đồ số 16, thuộc một phần thửa đất số 8, tờ bản đồ số 10, mục đích sử dụng là đất rừng trồng phòng hộ (RTP), do UBND xã Quản lý.

Người làm chứng ông Hoàng Văn T2, bà Trương Thị X trình bày:

Nguồn gốc thửa đất 29(2), 30(2), tờ bản đồ số 16, xã B là do ông cha, bố mẹ ông bà ông T2 để lại. Sau này giao lại cho vợ chồng ông bà Hoàng Đức T1, Trương Thị X sử dụng, có trích đo địa chính tại hồ sơ vụ án. Năm 1996 thì vợ chồng ông bà bắt đầu nhận đất của bố mẹ và tiếp tục sử dụng đất để trồng khoai, sắn. Năm 2012 đơn vị đo đạc về đo đất có gọi chủ đất ra chỉ mốc giới sử dụng.

Đến năm 2016 thì chuyển nhượng lại cho ông Hoàng Trọng T và ông T sử dụng hai thửa đất đó cho đến khi giải phóng mặt bằng. Việc giải phóng mặt bằng, bồi thường gia đình ông không biết. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2023/HC-ST ngày 20/4/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã quyết định:

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 3, Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 3 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 348 Luật tổ tụng hành chính; khoản 1 Điều 18, 28, 31 Luật khiếu nại; các Điều 49, 50 Luật đất đai năm 2003 và các Điều 99, 100, 166, 167, 170, 179, 180 Luật đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Trọng T về yêu cầu huỷ văn bản số 269/PTQĐ-GPMB ngày 19/10/2021 của Trung tâm phát triển quỹ đất - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/5/2023, người khởi kiện kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên toà phúc thẩm: Ông Hoàng Trọng T giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của Luật tổ tụng hành chính. Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Trọng T là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của ông Hoàng Trọng T, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của các đương sự đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tổ tụng:

Tại Văn bản số 269/PTQĐ-GPMB ngày 19/10/2021 của Trung tâm Phát triển quỹ đất - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q, ban hành về việc trả lời đơn của ông Hoàng Trọng T, thể hiện việc ban hành văn bản này là thực hiện theo Công văn số 2609/UBND-TNMT ngày 30/9/2021 của UBND thành phố Đ, giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất phối hợp với các cơ quan liên quan để giải quyết đơn kiến nghị của ông Hoàng Trọng T, đối với việc không được bồi thường bằng đất do giải phóng mặt bằng dự án và báo cáo kết quả cho UBND thành phố Đ. Do vậy, người bị kiện trong vụ án hành chính được xác định là UBND thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Văn bản số 269/PTQĐ-GPMB ngày 19/10/2021 của Trung tâm phát triển quỹ đất - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q, có nội dung làm chấm dứt quyền và lợi ích hợp pháp của ông T, nên

ngày 13/7/2022, ông Hoàng Trọng T có đơn khởi kiện yêu cầu hủy văn bản số 269/PTQĐ-GPMB, ngày 19/10/2021 của Trung tâm phát triển quỹ đất. Vì vậy, văn bản số 269/PTQĐ-GPMB, ngày 19/10/2021 của Trung tâm phát triển quỹ đất là đối tượng khởi kiện trong vụ án hành chính và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình. Đơn khởi kiện nằm trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại các khoản 1, 2 Điều 3, Điều 30, khoản 4 Điều 32 và điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tổ tụng hành chính.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, thời hạn ban hành Văn bản số 269/PTQĐ-GPMB ngày 19/10/2021 của Trung tâm phát triển quỹ đất - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q:

Ngày 13/8/2021, ông Hoàng Trọng T có đơn kiến nghị việc gia đình ông chưa được bồi thường, hỗ trợ về đất. Ngày 30/9/2021, UBND thành phố Đ đã ban hành Công văn số 2609/UBND-TNMT, giao Trung tâm phát triển quỹ đất - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q chủ trì, phối hợp với UBND xã B, Ban QLDA Môi trường Biến đổi khí hậu thành phố Đ và các đơn vị liên quan kiểm tra, giải quyết theo quy định. Ngày 19/10/2021, Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Bình đã ban hành Văn bản số 269/PTQĐ-GPMB trả lời cho ông Hoàng Trọng T, UBND thành phố Đ và các cơ quan liên quan. Ông Hoàng Trọng T không nhất trí với nội dung tại văn bản trên nên ngày 13/7/2022, ông T đã khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Văn bản số 269/PTQĐ-GPMB ngày 19/10/2021 của Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Bình. Vì vậy, việc Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Bình ban hành Văn bản số 269/PTQĐ-GPMB về việc trả lời kiến nghị của ông Hoàng Trọng T, đối với việc không được bồi thường đất do giải phóng mặt bằng dự án là đảm bảo đúng thời hạn, trình tự thủ tục, thẩm quyền theo yêu cầu của UBND thành phố Đ, tại Văn bản số 2609/UBND-TNMT ngày 30/9/2021 và được quy định tại khoản 1 Điều 18, 28, 31 Luật khiếu nại.

[2.2] Về căn cứ ban hành Văn bản số 269/PTQĐ-GPMB ngày 09/10/2021 của Trung tâm phát triển quỹ đất - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q:

Năm 2016, ông Hoàng Trọng T nhận chuyển nhượng từ ông Hoàng Đức T1 và bà Trương Thị X 02 thửa đất gồm: thửa đất số 29(2), tờ bản đồ số 16, diện tích 781,6m² và thửa đất số 30(2), tờ bản đồ số 16, diện tích 749,2m²; tại thôn H, xã B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Hai bên lập giấy thỏa thuận mua bán đất nhưng không có cơ quan có thẩm quyền xác nhận. Ông Hoàng Trọng T cho rằng nguồn gốc 02 thửa đất trên là do ông cha, bố mẹ ông Hoàng Văn T2, bà Trương Thị X khai hoang từ năm 1975 để lại. Đến năm 1996, giao lại cho vợ chồng ông T2, bà X quản lý, sử dụng để trồng khoai, sắn. Năm 2012 đơn vị đo đạc về đo đất và quy chủ cho vợ chồng ông T2, bà X. Đến năm 2016 thì ông T2, bà X chuyển nhượng lại cho ông T và ông sử dụng hai thửa đất đó để trồng cây cho đến khi có dự án Phát triển môi trường, hạ tầng đô thị ứng phó với biến đổi khí hậu tại xã B, thành phố Đ, 02 thửa đất nằm trong quy hoạch giải phóng mặt bằng thực hiện dự án. Tuy nhiên, ông T2, bà X và ông T không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ chứng minh nguồn gốc của hai thửa đất, mà chỉ cung cấp 02 kết quả đo đạc địa chính của hai thửa đất của đơn vị đo đạc và cơ quan đo đạc là

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên M, xí nghiệp trắc địa Bản đồ 103 và 01 giấy thỏa thuận mua bán đất giữa ông Hoàng Đức T1, bà Trương Thị X và ông Hoàng Trọng T không có cơ quan có thẩm quyền xác nhận. Tuy nhiên, kết quả đo đạc địa chính của hai thửa đất năm 2012, không phải là căn cứ để xác định quyền sử dụng đất và được cấp giấy CNQSDĐ theo quy định tại các Điều 49, 50 Luật đất đai năm 2003 (các Điều 99, 100 Luật đất đai năm 2013). Do đó, việc ông T1, bà X lập giấy thỏa thuận mua bán đất với ông T vào năm 2016 là không phù hợp với quy định tại các Điều 166, 167, 170, 179, 180 Luật đất đai năm 2013.

Theo Quyết định số 857/QĐ-UB ngày 20/4/2007 của UBND tỉnh Q, về việc Quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2006 - 2010; Quyết định số 2410/QĐ-UBND ngày 03/9/2014 về điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Quảng Bình đến năm 2020, chuyển từ rừng phòng hộ sang rừng sản xuất và theo Quyết định số 4534/QĐ-UBND ngày 25/12/2018 của UBND tỉnh Q, về việc phê duyệt quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Quảng Bình đến năm 2020, định hướng đến 2030, thì phần diện tích các thửa đất số 29(2), 30(2), tờ bản đồ số 16, xã B nằm trong diện tích quản lý của Ban quản lý rừng phòng hộ thành phố Đ. Căn cứ chỉnh lý địa chính tờ bản đồ địa chính số 16 xã B, tỷ lệ 1/1000 và Bảng tổng hợp điều chỉnh thu hồi đất do Trung tâm phát triển quỹ đất lập ngày 13/3/2019, được UBND xã B công nhận ngày 15/3/2019 và Sở T phê duyệt ngày 29/3/2019, thì thửa đất số 29(2) và 30(2), tờ bản đồ số 16, xã B, là đất RSX (đất rừng sản xuất) thuộc Ban quản lý rừng phòng hộ thành phố Đ quản lý, sử dụng.

UBND xã B, thành phố Đ có ý kiến: Các thửa đất số 29 và 30, tờ bản đồ số 16, theo sổ mục kê năm 2014 quy chủ do UBND xã quản lý, sử dụng và đối chiếu với bản đồ 2001, thì thửa đất số 29 và 30, tờ bản đồ số 16, thuộc một phần thửa đất số 8, tờ bản đồ số 10, mục đích sử dụng là đất rừng trồng phòng hộ (RTP), do UBND xã quản lý, nên không đủ căn cứ để xác định nguồn gốc hai thửa đất số 29(2) và 30(2), tờ bản đồ số 16, xã B, thành phố Đ thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông T1, bà X, mà thuộc quyền quản lý, sử dụng của Ban quản lý rừng phòng hộ thành phố Đ. Như vậy ông T1, bà X không đủ điều kiện để được cấp giấy CNQSDĐ và không có quyền chuyển nhượng hai thửa đất số 29(2) và 30(2) theo quy định của Luật đất đai, nên việc ông Hoàng Trọng T mua lại hai thửa đất số 29(2) và 30(2) của ông T1, bà X cũng không đủ điều kiện để được cấp giấy CNQSDĐ, nên không thuộc trường hợp được bồi thường, hỗ trợ về đất theo quy định của pháp luật về đất đai. Do đó, ngày 31/12/2019, UBND thành phố Đ ban hành Quyết định số 7323/QĐ-UBND thu hồi đất để GPMB xây dựng dự án Phát triển môi trường, hạ tầng đô thị ứng phó với biến đổi khí hậu thành phố Đ, tại xã B, thành phố Đ, đã thu hồi 02 đất thửa đất số 29(2) và 30(2), tờ bản đồ số 16, xã B thuộc quyền quản lý, sử dụng của Ban quản lý rừng phòng hộ thành phố Đ, mà không xác định ông T là người được quyền quản lý, sử dụng hai thửa đất này nên không được bồi thường, hỗ trợ về đất theo quy định.

Như vậy việc ban hành Văn bản số 269/PTQĐ-GPMB ngày 19/10/2021 của Trung tâm phát triển quỹ đất - Sở T là đảm bảo đúng thẩm quyền, thời hạn, trình tự thủ tục và có căn cứ theo quy định của pháp luật. Do đó, Tòa án cấp sơ

thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Trọng T về yêu cầu huỷ văn bản trên là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Tại giai đoạn phúc thẩm, người kháng cáo ông Hoàng Trọng T không cung cấp thêm các tài liệu chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu của mình, do đó Toà án cấp phúc thẩm không có cơ sở để chấp nhận nội dung kháng cáo.

[3] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do bác kháng cáo của người khởi kiện nên ông Hoàng Trọng T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của Luật tổ tụng hành chính.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Hoàng Trọng T, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2023/HC-ST ngày 20/4/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Hoàng Trọng T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hành chính phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005406 ngày 12/5/2023.

3. Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Văn Hợp